TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2019/DS-PT
Ngày: 27/02/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tuấn Vinh

Các thẩm phán:

1/ Bà Trịnh Thị Ánh

2/ Bà Phạm Thị Nhung

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20/02/2019 đến 27/02/2019 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 584/2018/TLPT – DS ngày 16 tháng 11 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng xây dựng".

Do bản án số 459/2018/DS-ST ngày 05/10/2018 của Toà án nhân dân Quận I bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 285/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 01 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần xây dựng trang trí nội thất A

Địa chỉ trụ sở: đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Bình E (Có mặt).

Địa chỉ: đường G, Phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Tạ Vạng K (Có mặt).

Địa chỉ: đường L, Phường M, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thu N (Có mặt).

Địa chỉ: đường L, Phường M, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 24 tháng 12 năm 2014, cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Công ty cổ phần xây dựng trang trí nội thất A (viết tắt là Công ty) có người đại diện theo pháp luật ông Huỳnh Bình E trình bày: Ngày 12/4/2014 giữa Công ty (Bên B – Bên nhận thầu và ông Tạ Vạng K (Bên A – Bên giao thầu) ký kết Hợp đồng xây dựng số 03/2014/HĐKT xây dựng công trình tại địa chỉ số đường L, Phường M, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó:

Điều 1 của Hợp đồng quy định:

Bên A giao cho bên B cung cấp nhân công và thiết bị thi công để thi công công trình theo bản vẽ thiết kế.

Điều 3 của Hợp đồng quy định:

Tổng giá trị hợp đồng: 2.338.263.000 đồng (hai tỷ ba trăm ba mươi tám triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn đồng)

Hai bên thỏa thuận thanh toán: Theo phương thức thanh toán tiền mặt hoặc chuyển khoản và chia thành 12 đợt thanh toán,biên độ thanh toán trong vòng 05 ngày làm việc theo từng đợt như:

- Đợt 1: Khi ký hợp đồng ứng 10% tổng giá trị hợp đồng.

- Đợt 2: Khi đổ xong móng ứng 05% tổng giá trị hợp đồng.

- Đợt 3: Khi đổ xong sàn lầu 1 ứng 10% tổng giá trị hợp đồng.

- Đợt 4: Khi đổ xong sàn lầu 2 ứng 10% tổng giá trị hợp đồng.

- Đợt 5: Khi đổ xong sàn lầu 3 ứng 10% tổng giá trị hợp đồng.

- Đợt 6: Khi đổ xong sàn Penhouse và sàn lửng Penhouse ứng 10% tổng giá trị hợp đồng.

- Đợt 7: Khi đổ xong mái ứng 10% tổng giá trị hợp đồng.

- Đợt 8: Xây xong toàn bộ ứng 10% tổng giá trị hợp đồng.

- Đợt 9: Tô xong ứng 8% tổng giá trị hợp đồng.

- Đợt 10: Ốp lát và trét Matic xong tương ứng 8% tổng giá trị hợp đồng.

- Đợt 11: Bàn giao ứng tổng giá trị hợp 7% tổng giá trị hợp đồng.

- Đợt 12: Sau thời gian bảo hành 12 tháng quyết toán 02% tổng giá trị hợp đồng:

Sau khi ký hợp đồng, Công ty đã hoàn thành xong các hạng mục công trình sau:

+ Đỗ xong móng.

+ Sàn lầu 1 (Biên bản xác nhận khối lượng thi công ngày 10/6/2014).

+ Sàn lầu 2 (Biên bản xác nhận khối lượng thi công ngày 20/7/2014).

+ Sàn lầu 3 (Biên bản xác nhận khối lượng thi công ngày 22/8/2014).

+ Sàn lầu 4 penhouse (Biên bản xác nhận khối lượng thi công ngày 30/9/2014).

+ Ngoài ra công ty còn xây tường (Đợt 8) với khối lượng trên 50%.

Bên giao thầu đã thanh toán cho công ty các hạng mục công trình hoàn thành đến sàn lầu 3 tương ứng với các đợt thanh toán Đợt 1, Đợt 2, Đợt 3, Đợt 4, Đợt 5 (có kèm theo phiếu thu).

Công ty đã hoàn thành hạng mục thi công sàn và hai bên đã có biên bản xác nhận khối lượng thi công ngày 30/9/2014.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng, sau khi hoàn thành xong hạng mục sàn lầu 4 penhouse, thì ông Tạ Vạng K (bên giao thầu) có trách nhiệm trả cho Công ty số tiền 10% giá trị hợp đồng (thanh toán cho Đợt 6) tương ứng số tiền 230.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông K chỉ mới thanh toán cho Công ty số tiền Đợt 6 là 100.000.000 đồng, số tiền còn lại của Đợt 6 ông K không chịu thanh toán.

Công ty đã 2 lần gửi giấy đề nghị cho bên giao thầu ông K (lần 1 vào ngày 21/10/2014, lần 2 vào ngày 15/12/2014) đề nghị thanh toán số tiền 130.000.000 đồng còn lại của Đợt 6 theo đúng tiến độ hợp đồng nhưng ông K từ chối thanh toán và tự ý chấm dứt hợp đồng, không cho Công ty tiếp tục thi công xây dựng, chiếm giữ toàn bộ trang thiết bị xây dựng của Công ty tại công trình. Gây thiệt hại đến quyền lợi của Công ty. Do đó, Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc ông Tạ Vạng K trả cho Công ty số tiền còn nợ là 130.000.000 đồng.

- Buộc ông K trả lại cho Công ty toàn bộ trang thiết bị xây dựng mà ông K đang giữ.

- Chấm dứt Hợp đồng xây dựng đã ký với ông K.

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 06 tháng 4 năm 2015 về yêu cầu phản tố cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Tạ Vạng K trình bày: Thời hạn thi công theo Hợp đồng xây dựng lập ngày 12/4/2014 giữa ông K và Công ty là 09 tháng từ ngày 12/4/2014 đến ngày 12/01/2015. Nhưng trong quá trình thi công Công ty không đảm bảo tiến độ, tự ý dừng thi công từ ngày 29/11/2014. Khối lượng công việc còn lại kéo dài hơn 06 tháng. Căn cứ vào nội dung ghi trong hợp đồng, ông K đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình theo đúng thỏa thuận, số tiền ông K đã tạm ứng cho Công ty số tiền 1.477.896.000 đồng nhiều hơn số tiền khối lượng thực tế mà Công ty đã thi công. Vì vậy, Công ty phải có trách nhiệm như sau:

- Trả lại số tiền đã tạm ứng vượt với khối lượng thi công thực tế đến ngày 29/11/2011 theo thẩm định giá là 857.138.977 đồng.

- Bồi thường thiệt hại gồm có:

Tiền lãi suất ngân hàng từ tháng 11/2014 đến 26/6/2015 là 125.228.695 đồng.

Thiệt hại về tinh thần là 9.500.000 đồng.

Chi phí di dời trang thiết bị xây dựng ra khỏi công trình là 3.420.000 đồng.

Chi phí thuê tạm tính khối lượng thi công là 5.500.000 đồng.

- Yêu cầu Tòa án tuyên bố chấm dứt thực hiện hợp đồng xây dựng số 03/2014/HĐKT ngày 12/4/2014 giữa Công ty cổ phần xây dựng trang trí nội thất A với ông K.

Tại bản tự khai lập ngày 20 tháng 5 năm 2015 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu N trình bày: Bà N thống nhất với phần trình bày của chồng bà là ông Tạ Vạng K.

Tại Chứng thư thẩm định giá số 0410415/CT-TV ngày 12-5-2015 của Công ty cổ phần định giá và đầu tư kinh doanh bất động sản Thịnh Vượng, kết luận:

Chi phí nhân công xây dựng thực tế công trình là 620.757.023 đồng (sáu trăm hai mươi triệu bảy trăm năm mươi bảy ngàn không trăm hai mươi ba đồng).

Tại Chứng thư thẩm định giá số 23A/2015/CT-P ngày 15-7-2015 của Công ty TNHH thẩm định giá P, kết luận:

Chi phí xây tường thô 38.042.412 đồng, bê tông cốt thép 1.588.824.000 đồng, tổng cổng: 1.627.000.000 đồng.

Tại Chứng thư giám định giá số 0410415/CT-TV ngày 30-10-2015 của Công ty cổ phần định giá và đầu tư kinh doanh bất động sản Thịnh Vượng, kết luận:

Chi phí nhân công xây dựng để hoàn thiện công trình: 1.558.810.902 đồng.

Phần trăm khối lượng chi phí nhân công xây dựng công trình:

Phần thô: 44,4%

Phần hoàn thiện: 42,5%

Điện + nước: 13,1%

Tại phần tranh luận của phiên tòa:

Nguyên đơn có người đại diện theo pháp luật là ông E cho rằng phía ông K đã nhầm lẫn trong việc trả tiền cho Công ty số tiền 230.000.000 đồng. Ngoài ra, do cho rằng công trình nhà ông K có sai phép nên ông K tự ngưng thi công để điều chỉnh giấy phép chứ phía Công ty không tự ý dừng thi công công trình. Và cho rằng tranh chấp hợp đồng xây dựng chứ không tranh chấp khối lượng thi công nên không cần phải thẩm định giá trị nhân công xây dựng thực tế công trình.

Bị đơn tranh luận: Căn cứ vào Chứng thư thẩm định của Công ty cổ phần định giá và đầu tư kinh doanh bất động sản O tháng 10/2015 đã tiến hành xác định rõ: Chi phí nhân công xây dựng thực tế công trình: 620.757.023 đồng và chi phí nhân công xây dựng để hoàn thiện công trình: 1.558.810.902 đồng.

Chứng thư thực hiện sau cùng và đầy đủ hơn Chứng thư của Công ty TNHH thẩm định giá P không làm rõ được hai chi phí nêu trên nên không có cơ sở. Việc công ty dừng thi công ông K có báo với chính quyền địa phương và có lập biên bản.

Bản án sơ thẩm tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 95, Điều 147, Điều 165 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 75, Điều 76 và Điều 108 của Luật xây dựng năm 2003; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 của Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Tuyên bố chấm dứt thực hiện Hợp đồng xây dựng công trình tại địa chỉ số đường L, Phường M, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh số 03/2014/HĐKT lập ngày 12-4-2014 giữa ông Tạ Vạng K (Bên A – Bên giao thầu) với Công ty cổ phần xây dựng trang trí nội thất A (Bên B – Bên nhận thầu).

2. Không chấp nhận yêu cầu đòi ông Tạ Vạng K trả số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng) của Công ty cổ phần xây dựng trang trí nội thất A.

3. Buộc Công ty cổ phần xây dựng trang trí nội thất A trả lại cho ông Tạ Vạng K và bà Nguyễn Thị Thu N số tiền 857.138.977 đồng (tám trăm năm mươi bảy triệu một trăm ba mươi tám ngàn chín trăm bảy mươi bảy đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Ông Tạ Vạng K và bà Nguyễn Thị Thu N trả lại toàn bộ trang thiết bị xây dựng cho Công ty cổ phần xây dựng trang trí nội thất A theo danh sách tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02-6-2015 của Tòa án.

5. Không chấp nhận yêu cầu đòi Công ty cổ phần xây dựng trang trí nội thất A bồi thường thiệt hại với số tiền 138.148.695 đồng (một trăm ba mươi tám triệu một trăm bốn mươi tám ngàn sáu trăm chín mươi lăm đồng) của ông Tạ Vạng K và bà Nguyễn Thị Thu N.

6. Về chi phí thẩm định giá và án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty cổ phần xây dựng trang trí nội thất A trả lại cho ông Tạ Vạng K và bà Nguyễn Thị Thu N số tiền chi phí thẩm định giá tổng cộng là 35.500.000 đồng (ba mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng) và phải chịu tiền án phí là 44.214.169 đồng (bốn mươi bốn triệu hai trăm mười bốn ngàn một trăm sáu mươi chín đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.250.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 04152 ngày 07/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận I nên còn phải chịu là 40.964.169 đồng (bốn mươi triệu chín trăm sáu mươi bốn ngàn một trăm sáu mươi chín đồng).

- Ông Tạ Vạng K và bà Nguyễn Thị Thu N phải chịu tiền án phí là 6.907.435 đồng (sáu triệu chín trăm lẻ bảy ngàn bốn trăm ba mươi lăm đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.525.000 đồng (mười tám triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 04541 ngày 07/4/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận I nên được trả lại 11.617.565 đồng (mười một triệu sáu trăm mười bảy ngàn năm trăm sáu mươi lăm đồng).

7. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17 tháng 10 năm 2018 nguyên đơn có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm 459/2018/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận I.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn trình bày:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, sau khi ký biên bản nghiệm thu sàn lầu 3, phía ông K đã không thực hiện đúng việc ứng tiền như đã cam kết, cụ thể chỉ ứng 100.000.000 đồng qua chuyển khoản, còn lại 130.000.000 nguyên đơn đã yêu cầu nhiều lần nhưng ông K không thanh toán, ông K không đảm bảo thủ tục pháp lý đối với bản thiết kế chi tiết như cam kết, do đó việc không thực hiện hợp đồng do lỗi phía ông K, việc tính toán khối lượng thi công, cấp sơ thẩm đã căn cứ bản giám định của Công ty CP định giá và đầu tư kinh doanh bất động sản O mà không căn cứ theo kết quả thẩm định giá của Công ty TNHH thẩm định giá P để giải quyết vụ án đã gây ảnh hưởng đến quyền lợi cho phía nguyên đơn. Ngoài ra để thực hiện hợp đồng nguyên đơn có thuê các trang thiết bị phục vụ xây dựng của Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng Q giá tiền 25.000.000 đồng/tháng, khi xảy ra tranh chấp phía bị đơn còn giữ toàn bộ các trang thiết bị này, trong quá trình giải quyết tranh chấp, nguyên đơn có xuất trình hợp đồng thuê thiết bị và khi xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/6/2015 do Tòa án nhân dân Quận I tổ chức nguyên đơn có mời đại diện Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng Q tham gia nhưng cấp sơ thẩm không đưa công ty này vào tham gia tố tụng là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền lợi của phía nguyên đơn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm. Trường hợp không hủy án, đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bác yêu cầu phản tố của bị đơn.

Bị đơn trình bày:

Đối với nội dung hợp đồng có ghi phía bị đơn chịu trách nhiệm pháp lý bản thiết kế chi tiết là thủ thuật của nguyên đơn, bị đơn do sơ sót nên ký vào, quá

trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn luôn yêu cầu tạm ứng thêm tiền không đúng hợp đồng nên bị đơn không chấp nhận dẫn đến việc nguyên đơn tự ý ngưng thi công mà không hề có cơ quan chức năng đến buộc phải ngưng thi công như nguyên đơn trình bày. Việc tạm ứng thanh toán theo hợp đồng bị đơn đã thực hiện đầy đủ và có các phiếu thu không hề thiếu như phía nguyên đơn trình bày, bị đơn cũng không tự ý giữ các thiết bị thi công do đó đề nghi Tòa bác kháng cáo của nguyên đơn, giữa nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng đã tuân thủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 trong quá trình thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ các phiếu thu, chứng từ giao dịch ủy nhiệm chi xác định được bị đơn đã tạm ứng cho nguyên đơn tổng số tiền là 1.477.896.000 đồng. Do nguyên đơn không chứng minh được đã thực hiện việc cung cấp nhân công và thiết bị thi công công trình thực tế đến ngày 29/11/2014 là bao nhiêu nên cần phải căn cứ vào các chứng thư thẩm định giá trong hồ sơ để xác định chi phí nhân công xây dựng công trình thực tế là 620.757.023 đồng, như vậy cấp sơ thẩm xét xử buộc phía nguyên đơn phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho bị đơn số tiền là 857.138.977 đồng là có cơ sở. Do yêu cầu buộc phía nguyên đơn thanh toán số tiền 857.138.977 đồng cho bị đơn được chấp nhận nên yêu cầu đòi số tiền 130.000.000 đồng của nguyên đơn không được chấp nhận. Bị đơn có trách nhiệm trả lại toàn bộ trang thiết bị xây dựng cho nguyên đơn theo danh sách tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/6/2015.

Xét yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại số tiền 138.148.695 đồng của bị đơn thấy hai bên tranh chấp trong thời hạn thực hiện Hợp đồng và trong Hợp đồng cũng không có thỏa thuận điều này nên không có cơ sở để chấp nhận.

Từ phân tích trên, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 130.000.000 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật, do đó không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thời hạn kháng cáo: Ngày 05/10/2018 Tòa án nhân dân Quận I xét xử và tuyên bản án dân sự sơ thẩm số 459/2018/DS-ST, ngày 17/10/2018 nguyên đơn Công ty cổ phần xây dựng trang trí nội thất A có đơn kháng cáo. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, kháng cáo còn trong hạn luật định nên được xem xét.

[2] Nội dung kháng cáo:

- Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết tranh chấp cần thẩm định khối lượng thi công thực tế để tính giá trị nhân công xây dựng theo hợp đồng đã ký, phía nguyên đơn đã yêu cầu Công ty TNHH thẩm định giá P, phía bị đơn yêu cầu Công ty cổ phần định giá và kinh doanh bất động sản O thẩm định giá, kết quả thẩm định của hai đơn vị có sự khác biệt.

Trong hồ sơ vụ án không thể hiện nguyên đơn và bị đơn có sự thống nhất về giá nhân công đối với phần đã thực hiện theo thực tế, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cũng không chấp nhận kết quả thẩm định giá của phía bị đơn.

Khoản 3 Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về định giá tài sản, thẩm định giá tài sản*: "Tòa án ra quyết định định giá tài sản và thành lập Hội đồng định giá khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: ...b/ Các đương sự không thỏa thuận lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản hoặc đưa ra giá tài sản khác nhau hoặc không thỏa thuận được về giá tài sản…".*

Như vậy trường hợp này cấp sơ thẩm phải ra quyết định định giá tài sản và thành lập hội đồng định giá tài sản để tính giá trị nhân công đã thực hiện căn cứ theo giá trị hợp đồng hai bên đã ký để giải quyết tranh chấp, tuy nhiên khi xét xử cấp sơ thẩm lại căn cứ theo kết quả thẩm định giá của phía bị đơn yêu cầu là không phù hợp theo luật định.

Ngoài ra hồ sơ vụ án thể hiện phía nguyên đơn có trình bày bị đơn đang thu giữ các dụng cụ, phương tiện thi công mà nguyên đơn thuê của Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng Q (Có hợp đồng kèm theo). Cấp sơ thẩm cần xem xét đưa Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng Q tham gia tố tụng để giải quyết toàn diện vụ án.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận I.

- Án phí phúc thẩm: Do hủy án nên nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty cổ phần xây dựng và trang trí nội thất A, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 459/2018/DS-ST ngày 05/10/2018 của Toà án nhân dân Quận I, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại cho Công ty cổ phần xây dựng trang trí nội thất A 300.000 đồng tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0018362 ngày 17/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận I. Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Quận I;
- TAND Quận I;
- Chi cục THA Quận I;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Tuấn Vinh